TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA –TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 13/01/2023
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hạ Tuấn** và bà **Nguyễn Thị Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hảng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà:Ông **Trịnh Minh Sỹ** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST – HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị M – sinh năm 1995

Nơi ĐKHKTT: Thôn DC, xã ĐC, huyện KB, tỉnh Hà Nam

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Mạnh T – sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: thôn HV, xã HQ, huyện UH, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn trình bày: Về tình cảm: chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh T, ở Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HQ, năm 2016.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là anh chị không hợp nhau, không có cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, va chạm. Chị đã bỏ qua nhiều lần và cố gắng hiểu, thông cảm cho anh T

nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vẫn diễn ra. Do tình trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng, cuộc sống áp lực, mệt mỏi nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 2/2019 cho đến nay. Chị về nhà đẻ ở Dương Cương, Đại Cương, Kim Bảng, Hà Nam sinh sống còn anh T ở Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội. Trong thời gian sống ly thân, chị vẫn cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay thời gian đã lâu, chị nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được ly hôn.

Về con chung: không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: chị M khai không có gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị M đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Tuy nhiên, anh T vẫn không đến Tòa án làm việc do đó không có quan điểm trình bày.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Hồng Quang xác định: anh T và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang, ngày 24/10/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh chị hòa thuận không thấy điều tiếng gì. Theo nắm bắt tại địa phương thì thời gian gần đây, anh T và chị M xảy ra mâu thuẫn, chị M về Dương Cương, Đại Cương sinh sống còn anh T vẫn ở Hữu Vĩnh, Hồng Quang. Anh T và chị M sống ly thân được một thời gian tuy nhiên nguyên nhân cụ thể là gì thì địa phương không nắm rõ. Quan điểm của chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Tại phiên toà, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiÕn, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T. Về con chung: không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản, công sức, công nợ chung:

không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghi[a]n cøu c¸c tµi liÖu cã trong hå s¬ vô ¸n ®-îc thÈm tra t¹i phi[a]n Toµ vµ c¨n cø vµo kÕt qu¶ trông luËn t¹i phi[a]n toµ, ý kiÕn cña c¸c ®-¬ng sù, Héi ®ång xÐt xö nhËn ®Þnh:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Nguyễn Mạnh T đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; quyết định hõa phiên tòa. Tại phiên toà hôm nay, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung của anh chị không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị M trình bày là không hợp nhau, không có cùng quan điểm sống. Nay chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên đã làm đơn xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: chị M và anh T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: Chị M trình bày là không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết; anh T không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Tr-ên hîp nÕu sau này các đương sự có yêu cầu ®Ò nghÞ thì sẽ giải quyết t¹i vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Kho¶n 1 §iÒu 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M:

1. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T;

2. Về con chung: Chị M và anh T không có con chung, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp sau này, các đương sự có yêu cầu ®Ò nghÞ thì sẽ giải quyết t¹i vụ án khác.

3. Về án phí: Chị M ph¶i chịu 300.000® (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị M đã nộp tại Biên lai thu số 0057691 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. VÒ quyÒn kh¸ng c¸o: Nguyên đơn; Bị ®¬n vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thanh Minh

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**